TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 03 - 2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 740/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thùy M - Sinh năm 1991 *(Có đơn xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường VH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Lê Ngọc N - Sinh năm 1992 *(Có đơn xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 9, phường MĐ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Đào Thị Thùy M trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc N tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường MĐ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 30/10/2017. Khi tổ chức đám cưới xong, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà ông Nghĩa, được nửa năm thì hai vợ chồng về nhà bà sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nghĩa cá độ bóng đá gây nợ nần dẫn tới vợ chồng cãi vã và ông Nghĩa bỏ đi. Bà phải một mình nuôi con và trả nợ giúp ông Nghĩa. Tuy nhiên từ khi bỏ đi đến nay là 04 năm, ông Nghĩa không quan tâm, hỏi han, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vợ chồng ly thân đã 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Nghĩa nên yêu cầu ly hôn ông Nghĩa.

Khi hai vợ chồng có mâu thuẫn thì hai bên gia đình đều biết nhưng do bản thân bà không muốn hàn gắn nên hai bên gia đình không hàn gắn mâu thuẫn của bà với ông Nghĩa.

Bà và ông Lê Ngọc N có 01 con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày 03/9/2019. Con chung từ trước tới nay sống với bà; khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; bà không yêu cầu ông Nghĩa cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông Lê Ngọc N không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đào Thị Thùy M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 23/02/2024, nguyên đơn là bà Đào Thị Thùy M vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Ngọc N trình bày tại "Bản tự khai" ngày 15/01/2024; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Ông và bà Đào Thị Thùy M tự nguyện tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới; tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017; có đăng ký kết hôn tại UBND phường MĐ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 30/10/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã nên ông bỏ đi. Ông và bà M tự sống ly thân đã gần 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Nay bà M khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý.

Ông và bà Đào Thị Thùy M có 01 con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày 03/9/2019. Con chung từ trước tới giờ sống với bà M; khi ly hôn ông đồng ý giao cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Ông và bà Đào Thị Thùy M không có tài sản chung và nợ chung nên ông không có yêu cầu gì.

Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt" ngày 15/01/2024, bị đơn là ông Lê Ngọc N vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đào Thị Thùy M.

Về hôn nhân: Bà Đào Thị Thùy M được ly hôn với ông Lê Ngọc N.

Về con chung: Giao 01 con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày 03/9/2019 cho bà Đào Thị Thùy M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông Lê Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị Thùy M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Ngọc N có nơi cư trú tại khu phố 9, phường MĐ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự *(Viết tắt là BLTTDS)*; xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 23/02/2024, nguyên đơn là bà Đào Thị Thùy M xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt" ngày 15/01/2024, bị đơn là ông Lê Ngọc N xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Thùy M và ông Lê Ngọc N đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2017; đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Nghĩa là hợp pháp.

[2.2]. Về tình trạng hôn nhân: Bà Đào Thị Thùy My và ông Lê Ngọc N chung sống hạnh phúc từ năm 2017 đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng; nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung, không hàn gắn được mâu thuẫn nên tự sống ly thân. Vợ chồng không sống chung 04 năm nay, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà M yêu cầu được ly hôn và ông Nghĩa cũng đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông Nghĩa đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn ông Nghĩa là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. Về con chung: Bà Đào Thị Thùy M và ông Lê Ngọc N xác nhận có 01 con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày 03/9/2019. Bà M và ông Nghĩa đều thống nhất: khi ly hôn giao 01 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của bà M và ông Nghĩa phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị Thùy M không yêu cầu ông Lê Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị Thùy M và ông Lê Ngọc N đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đào Thị Thùy M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đào Thị Thùy M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Thùy M được ly hôn ông Lê Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cho bà Đào Thị Thùy M có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Nguyên K - sinh ngày 03/9/2019.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Đào Thị Thùy M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000560 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đào Thị Thùy M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường MĐ, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm (Số 105, ngày 30/10/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hồng